| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 15**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2025
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Kim Thoa

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Ngô Văn Đơn

Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà**:* Ông Huỳnh Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 156/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lam T, sinh năm 1993, căn cước công dân số 093193008740; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã H, thành phố Cần Thơ; địa chỉ tạm trú: Số A, đường N, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1989, căn cước công dân số 094089003349; địa chỉ thường trú: Khóm V, phường M, thành phố Cần Thơ; địa chỉ tạm trú: Số A, đường N, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lam T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Lam T và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là UBND xã H, thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2022, ngày 20/7/2022. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2023, hai vợ chồng đã xảy ra

nhiều mâu thuẫn, do ông B hay uống rượu, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mỗi khi ông B uống rượu là chửi bà T và bỏ nhà đi đến khoảng 03 đến 04 ngày sau mới về, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến không còn tình cảm với nhau. Hai vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà T và ông B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn B:* Đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông B vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 – thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lam T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn B nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn B đang cư trú tại số A đường N, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn

Bà Nguyễn Thị Lam T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lam T và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là UBND xã H, thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2022 ngày 20/7/2022 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà Nguyễn Thị Lam T trình bày: Sau khi kết hôn bà Bà Nguyễn Thị Lam T và ông Nguyễn Văn B chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên xảy ra ra cãi nhau. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông B. Bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; điều này chứng tỏ ông B không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng yêu thương nhau, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc. Việc bà T, ông B không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Qua xác minh tại địa phương nơi vợ chồng bà T, ông B cư trú thì địa phương không rõ vì vợ chồng bà T, ông B không trình báo với địa phương về vấn đề mâu thuẫn gia đình.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà T, ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông B là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông B.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Quá trình chung sống, bà T, ông B không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều: 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều: 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lam T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B về việc "ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lam T được ly hôn với ông Nguyễn Văn B (Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2022, ngày 20/7/2022 do UBND xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là UBND xã H, thành phố Cần Thơ) cấp).

Về con chung và cấp dưỡng: Không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Lam T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001512 ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(đã ký)**

**Dương Thị Kim Thoa**